TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2025/QĐST-VLĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Hà

***Thư ký phiên họp*:** Bà Chu Tường Vy- Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 132/2025/TLST-VLĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số:45/2025/QĐST- VLĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1985; thường trú: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang);

Người đại diện hợp pháp: bà Huỳnh Bảo N, sinh năm 2003; thường trú: 9/6 đường B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/6/2025) có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH T1; địa chỉ: Đường T, khu phố H, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bảo hiểm xã hội Thành phố H cơ sở L; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của người yêu cầu bà Huỳnh Bảo N trình bày: Vào khoảng thời gian từ tháng 03/2009 đến năm tháng 4/2024 bà Huỳnh Thị T ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH J; địa chỉ: Khu phố H phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và được công ty tham gia BHXH với mã số:7409137206. Vào tháng 6/2025 bà T đi làm thủ tục để hưởng BHXH thì phát hiện cũng trong khoảng thời gian trên thông

tin cá nhân của bà cùng lúc tham gia BHXH tại Công ty TNHH T1 với mã số BHXH số: 7408206829 có thời gian tham gia BHXH từ tháng 11/2008 đến tháng 5/2010. Bà T xác định bà chỉ ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH J ngoài ra bà không ký hợp đồng lao động cũng không tham gia lao động tại Công ty TNHH T1. Lý do gì thông tin cá nhân của bà lại được Công ty TNHH T1 thực hiện tham gia BHXH thì bà cũng không rõ. Do bà không tham gia thực hiện hợp đồng lao động tại Công ty TNHH T1 nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị T (do người khác thực hiện hợp đồng) với Công ty TNHH T1 vô hiệu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T1: Quá trình tố tụng Toà án đã thông báo thụ lý, triệu tập người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T1 có mặt tại Toà án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị T, tham gia phiên họp giải quyết việc lao động, tuy nhiên người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T1 vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Thành phố H (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH đối với bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1985, số căn cước công dân: 086185007949 có quá trình tham gia BHXH như sau: Mã số: 7409137206 được Công ty TNHH J tham gia BHXH từ tháng 03/2009 đến tháng 04/2024; ngoài ra còn có mã số: 7408206829 được Công ty TNHH T1 tham gia BHXH từ tháng 11/2008 đến tháng 05/2010 đã thực hiện chốt sổ và hưởng trợ cấp một lần. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Huỳnh Thị T với Công ty TNHH T1 đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thà L có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu bà Huỳnh Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Thành phố H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T1 vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Qua văn bản trả lời của cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố H cơ sở Lái Thiêu thể hiện, đối với thông tin họ tên bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1985, số căn cước công dân: 086185007949 có quá trình tham gia BHXH như sau: Mã số: 7409137206 được Công ty TNHH J tham gia BHXH từ tháng 03/2009 đến

04/2024 và Mã số: 7408206829 được Công ty TNHH T1 tham gia BHXH từ tháng 11/2008 đến tháng 05/2010.

[2.2] Xét thấy, dữ liệu trên cho thấy trong cùng một thời điểm (tháng 03/2009 đến tháng 5/2010), hệ thống BHXH ghi nhận bà T vừa tham gia tại Công ty TNHH J vừa có tên tham gia tại Công ty TNHH T1 trong khi bà T khai thực tế chỉ làm việc tại Công ty TNHH J. Như vậy, có căn cứ xác định thông tin tham gia BHXH của bà T tại Công ty TNHH T1 là không phù hợp với thực tế, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*" và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*" và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*". Do đó, có cơ sở xác định người tham gia ký kết hợp đồng lao động và thực hiệp hợp đồng lao động dưới tên Huỳnh Thị T tại Công ty TNHH T1 không phải là bà Huỳnh Thị T. Nên việc công ty TNHH T1 tham gia BHXH cho bà T mã: Mã số: 7408206829 là không đúng thực tế nên đã vi phạm nguyên tắc "trung thực" trong giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động từ tháng 11/2008 đến tháng 05/2010 giữa bà Huỳnh Thị T với người sử dụng lao động là Công ty TNHH T1 theo BHXH số 7408206829 vô hiệu toàn bộ.

[3.3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà T và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH T1 không phải là bà Huỳnh Thị T. Bà T có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39;Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Huỳnh Thị T .

- Tuyên bố Hợp đồng lao động từ tháng 05/2009 đến tháng 05/2010 giữa bà Huỳnh Thị T với người sử dụng lao động là Công ty TNHH T1 theo BHXH số 7408206829 vô hiệu toàn bộ.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409137206 là bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1985, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, số căn cước công dân 086185007949. Bà Huỳnh Thị T được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin bảo hiểm xã hội số 7409137206.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0005425 ngày 24/7/2025 của Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Hà